

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng
Dự án: Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát
(đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015 ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát);

Căn cứ Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán dự án Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát);

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư và sửa đổi, bổ sung chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 2241/TTr-BQLGT ngày 23/12/2020, đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1694/SGTVT-GT ngày 18/12/2020 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 927/BC-SKHĐT ngày 28/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến công sân bay Phù Cát), với các nội dung chính như sau:

1. Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung dự án

a. Cập nhật lại toàn bộ nội dung hồ sơ thiết kế BVTC, dự toán đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 vào dự án.

b. Điều chỉnh, bổ sung hệ thống thoát nước đường Trương Hán Siêu nổi dài (chiều dài 160m) bằng công tròn BTLT $\Phi 100$; kết cấu hố ga bằng BT M250 đá 2x4.

c. Điều chỉnh, bổ sung chi phí bồi thường, GPMB của dự án.

d. Bổ sung hạng mục Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ công an ninh Trung đoàn 925 đến cảng Hàng không Phù Cát), di dời công, xây dựng tường rào an ninh Trung đoàn 925 và các bãi đậu xe thuộc địa phận huyện Phù Cát.

3. Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung

*** Tuyên chính:**

a. Phạm vi xây dựng: Bổ sung đoạn tuyến từ công gác số 1 hiện hữu đến công gác số 2 đường vào Khu Trung đoàn 925 (vị trí xây dựng công mới), chiều dài đoạn bổ sung $L = 1,54\text{Km}$, cụ thể như sau:

+ Điểm đầu đoạn bổ sung (điểm cuối dự án được duyệt): Km1+600 tại công gác số 1 hiện hữu;

+ Điểm cuối: Km3+142,84 tại vị trí xây dựng công mới Trung đoàn 925;

+ Tổng chiều dài tuyến sau khi bổ sung: $L = 3,14\text{Km}$.

b. Quy mô xây dựng: Xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp III, đồng bằng TCVN 4054-2005, với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Tốc độ thiết kế: $V = 60\text{Km/h}$;

- Mặt đường bê tông nhựa cấp cao A1. Mô đun yêu cầu $E_{yc} \geq 160\text{Mpa}$.

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 30\text{m}$;

+ Bề rộng mặt đường: $B_{mặt} = 6 \times 3,5\text{m} = 21\text{m}$;

+ Bề rộng dải phân cách giữa: $B_{gpc} = 3\text{m}$;

+ Bề rộng dải an toàn giữa: $B_{atg} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$;

+ Bề rộng lề: $B_{lề} = 2 \times 2,5\text{m} = 5\text{m}$.

- Tải trọng thiết kế: Công được thiết kế với hoạt tải H30-XB80.

c. Phương án xây dựng

- Nền đường: Nền đường đắp đất cấp phối đòi đầm chặt $K \geq 0,95$; lớp sát đáy móng kết cấu áo đường dày 50cm được đầm chặt $K \geq 0,98$.

- Mặt đường: Mặt đường xây dựng mới, mở rộng mặt cũ gồm các lớp sau:

+ Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;

- + Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m²;
- + Bê tông nhựa C19 dày 7cm;
- + Nhựa thấm bảm 1,0 Kg/m²;
- + Cấp phối đá dăm loại I (Dmax=25) dày 15cm;
- + Cấp phối đá dăm loại I (Dmax=37,5) dày 30cm.
- Mặt đường tăng cường trên đường cũ, gồm các lớp sau:
 - + Bê tông nhựa C12,5 dày 6cm;
 - + Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m²;
 - + Bù vênh bê tông nhựa C19 (đôi với h≤5cm);
 - + Bù vênh đá dăm đen (đôi với 5<h≤20cm);
 - + Nhũ tương dính bảm 0,5 Kg/m².
- *Phân công trình thoát nước*: Tuyến chính: Tận dụng, nối dài các công hiện trạng đảm bảo khổ nền đường xây dựng mới.
- *Dải phân cách*: Kết cấu sử dụng viên bó vỉa bê tông M250. Viên bó vỉa được thiết kế đúc sẵn, sơn trắng đỏ theo quy định, chiều dài viên bó vỉa là 1m.
- *Cây xanh*:
 - + Trên dải phân cách giữa được trồng cây chà là, cỏ lá gừng và các cây hoa giấy.
 - + Hai bên lề đường trồng cây sao đen, khoảng cách trung bình 10m/cây.
- *Chiếu sáng*:
 - + Tận dụng trạm biến áp cũ, cột đèn với khoảng cách 35-37m và đường dây chiếu sáng hiện trạng, thay mới bóng đèn sodium bằng đèn Led 120W.
 - + Đường dây chiếu sáng tổng chiều dài L = 1.631m (tận dụng 1.315m, lắp mới 316m).
- *Cống kỹ thuật*: Tận dụng các cống kỹ thuật φ60cm cũ trên tuyến chính, nối dài đảm bảo khổ nền đường xây dựng mới.
- * **Đường gom dọc tuyến, đường ngang nội bộ**: Xây dựng các tuyến đường gom dọc tuyến, đường ngang nội bộ theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng (TCVN 4054-2005), với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:
 - a. *Quy mô xây dựng*:
 - Tốc độ thiết kế: V = 30Km/h.
 - Kết cấu mặt đường bê tông nhựa, mô đun yêu cầu Eyc ≥ 120Mpa và mặt đường BTXM.
 - Tải trọng thiết kế: Cống được thiết kế với hoạt tải H30-XB80.
 - Tổng chiều dài các đoạn tuyến L = 3.476,01m. Trong đó:
 - + Chiều dài tuyến đường gom bên phải: L = 1.428,61m;
 - + Chiều dài tuyến đường gom bên trái: L = 1.273,28m;
 - + Chiều dài nhánh vào Kho xăng: L = 108,66m;
 - + Chiều dài Nhánh đường ngang số 1: L = 84,99m;
 - + Chiều dài Nhánh đường ngang số 2: L = 159,96m;
 - + Chiều dài Nhánh đường ngang số 3: L = 158,21m;
 - + Chiều dài Nhánh đường ngang số 4: L = 158,71m;

+ Chiều dài Nhánh đường ngang số 5: $L = 103,59\text{m}$.

- Quy mô mặt cắt ngang:

+ *Đường gom bên phải:*

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 6,5\text{m}$;
- Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$;
- Bề rộng lề: $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$.

+ *Đường gom bên trái, nhánh vào kho xăng, nhánh đường ngang số 1,2,3:*

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 9\text{m}$;
- Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,50 = 7\text{m}$;
- Bề rộng lề: $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,0\text{m} = 2\text{m}$.

+ *Đường nhánh đường ngang số 4, 5:*

- Bề rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 7\text{m}$;
- Bề rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 6\text{m}$;
- Bề rộng lề: $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1\text{m}$.

b. Phương án xây dựng:

- Nền đường: nền đường đắp đất cấp phối đòi đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; lớp sát đáy móng kết cấu áo đường được đầm chặt $K \geq 0,98$.

- Đường gom bên trái, nhánh đường vào Kho xăng, nhánh đường ngang số 1, 2, 3, 4: Sử dụng kết cấu KC-IVA, KC-IVB, KC-IVC

- Kết cấu KC-IVA gồm các lớp sau:

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 7cm;
- + Nhựa thấm bảm $1\text{Kg}/\text{m}^2$;
- + Cấp phối đá dăm loại I $D_{\text{max}} = 25$ dày 15cm;
- + Cấp phối đá dăm loại I $D_{\text{max}} = 37,5$ dày 15cm.

- Kết cấu KC-IVB áp dụng cho đoạn có chiều dày bù vênh $H_{\text{bv}} \leq 5\text{cm}$ gồm các lớp sau:

- + Bù vênh và thảm bê tông nhựa C12,5 dày 5cm;
- + Nhũ tương dính bảm $0,5\text{Kg}/\text{m}^2$.

- Kết cấu KC-IVC áp dụng cho đoạn có chiều dày bù vênh $5\text{cm} < H_{\text{bv}} \leq 20\text{cm}$ gồm các lớp sau:

- + Bê tông nhựa C12,5 dày 5cm;
- + Nhũ tương dính bảm $0,5\text{Kg}/\text{m}^2$;
- + Bù vênh bằng đá dăm đen;
- + Nhũ tương dính bảm $0,5\text{Kg}/\text{m}^2$.

- Đường gom phải tuyến, nhánh đường ngang số 5 sử dụng kết cấu KC-V:

- + Bê tông xi măng M300, dày 22cm;
- + Cấp phối đá dăm loại I $D_{\text{max}} 25$, dày 18 cm.

- Phần công trình thoát nước:

+ Tuyến đường gom bên phải: Xây dựng mới 04 cống ngang BTLT có khẩu độ từ $\phi 40\text{cm}$ đến $\phi 80\text{cm}$; tận dụng 01 cống $\phi 40\text{cm}$; nối dài 04 cống của tuyến chính có khẩu độ từ $2\phi 100\text{cm}$ đến $3\phi 100\text{cm}$.

+ Tuyến đường gom bên trái: Xây dựng mới 02 cống ngang BTLT có khẩu độ từ $\phi 60\text{cm}$ đến $\phi 80\text{cm}$; tận dụng 01 cống $3\phi 80\text{cm}$.

+ Tuyến đường ngang: Xây dựng mới 01 cống ngang BTLT có khẩu độ $\phi 100\text{cm}$; tận dụng 02 cống $\phi 80\text{cm}$.

*** Bãi đậu xe công cộng**

- Xây dựng bãi đậu xe công cộng với diện tích $19.142,43\text{m}^2$ dọc hai bên đường vào thuộc Khu vực phía trước Cảng hàng không Phù Cát, các căn tin hiện trạng và trụ quảng cáo được giữ lại, chỉnh trang tổ chức giao thông và bố trí lại các khu vực đậu xe phù hợp.

- Số lượng đậu xe dự kiến: Xe con 302 chiếc, xe khách 38 chiếc.

- Kết cấu sân bãi đỗ xe: Xây dựng kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa.

- Xây dựng hàng rào bao quanh khu vực bãi đậu xe với kết cấu tường rào xây gạch dày 10cm , trụ rào bằng BTCT, khoảng cách trụ 3m /trụ.

* **Hệ thống an toàn giao thông:** Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Điều lệ báo hiệu đường bộ Việt Nam QCVN 41:2019/BGTVT.

*** Cấp nước và PCCC:**

- Đầu nối tại vị trí công gác hiện hữu phía trái tuyến tại Van DN100 đã được phê duyệt và đang triển khai thi công xây dựng.

- Tuyến ống cấp nước thuộc Trung đoàn 925: Ống cấp nước chữa cháy và nước sinh hoạt HDPE DN100 L = 1.957m , tận dụng di dời 02 trụ cứu hỏa, thiết kế hoàn trả 01 bể chứa nước kích thước LxBxH = $(5,0 \times 2,5 \times 2,0)\text{m}$, 01 giếng khoan dùng ống uPVC DN150(D168) và một tủ điện.

- Tuyến ống cấp nước thuộc Cảng hàng không Phù Cát: Ống cấp nước chữa cháy và nước sinh hoạt HDPE DN100 L = 1.460m , tận dụng di dời 05 trụ cứu hỏa.

- Các đoạn ống đi qua đường được bảo vệ bằng ống lồng.

* **Cổng cảng Hàng không, cổng Trung đoàn 925, cổng Khu A, cổng đóng, tường rào, nhà làm việc:**

a. Cổng cảng Hàng không:

- Kiến trúc cổng cách điệu từ hình chiếc máy bay với sải cánh rộng 18m cùng cabin (nhà bảo vệ, trực ban) diện tích $23,8\text{m}^2$; chiều cao $4,8\text{m}$ mang nét đặc trưng của ngành hàng không.

- Vật liệu sử dụng chính là bê tông cốt thép, gạch xây và các loại vật tư hoàn thiện khác.

b. Cổng Trung đoàn 925:

- Kiến trúc theo mẫu chung của Bộ Quốc Phòng với bố cục đối xứng; nhà bảo vệ được bố trí giữa cho chiến sỹ trực gác, bề rộng cổng 27m , chiều cao $10,9\text{m}$.

- Kết cấu phần móng: Các trụ chính bằng BTCT kích thước $400 \times 1200\text{mm}$, sử dụng móng đơn có kích thước $2000 \times 3000\text{mm}$, xây bao trụ bằng

gạch không nung. Mái, dầm mái, sàn và thành ô văng bằng BTCT đổ liền khối.

- Nhà bảo vệ có diện tích 6,4m².

- Vật liệu sử dụng chính là bê tông cốt thép, gạch xây và các loại vật tư hoàn thiện khác.

c. *Cổng phụ góc (Cổng vào Khu A):*

- Xây dựng 04 cổng phụ góc; hình thức cổng thống nhất theo kiểu cổng chính có nhà bảo vệ kết hợp hàng rào.

- Cổng với kết cấu móng đơn kết hợp giằng móng bằng bê tông cốt thép.

- Nhà bảo vệ có diện tích 7,43m².

- Vật liệu sử dụng chính là BTCT, gạch xây và các loại vật tư hoàn thiện khác.

d. *Cổng đóng (04 cổng):*

- Cổng đóng theo mẫu Bộ quốc phòng, cổng không có chốt trực bảo vệ.

- Kết cấu móng đơn kết hợp giằng móng bằng bê tông cốt thép.

- Vật liệu sử dụng chính là BTCT, gạch xây và các loại vật tư hoàn thiện khác.

e. *Tường rào:*

- Tường rào được xây dọc 2 bên tuyến chia cắt bởi các cổng 2 bên;

- Sử dụng chính là BTCT, gạch xây và các loại vật tư hoàn thiện khác.

g. *Nhà làm việc:* Nhà trực ban, nhà tiếp dân, nhà trung đội vệ binh, nhà trực điện. Kết cấu bằng BTCT. Vật liệu sử dụng chính là BTCT, gạch xây và các loại vật tư hoàn thiện khác.

4. Phương án giải phóng mặt bằng

- Phạm vi GPMB: tính tại chân taluy nền đường hoặc mép ngoài công trình (mép ngoài cống, rãnh), phạm vi GPMB được tính cách chân taluy 1m.

- Phương án tổ chức thực hiện: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phần bổ sung. Riêng công tác di dời hạ tầng kỹ thuật phần bổ sung Ban QLDA Giao thông tỉnh tiếp tục thực hiện.

5. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung: 365.474.129.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Cơ cấu nội dung chi phí	Theo Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung
1	Chi phí xây dựng	59.933.305	82.815.121	142.748.426
2	Chi phí thiết bị	198.647	64.172	262.819
3	Chi phí quản lý dự án	1.190.503	1.034.157	2.224.660
4	Chi phí TV đầu tư và XD	3.298.622	3.799.314	7.097.935

5	Chi phí khác	5.071.221	- 2.176.163	2.895.058
6	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	173.405.972	7.530.425	180.936.397
7	Chi phí dự phòng	26.473.860	2.834.974	29.308.834
TỔNG CỘNG		269.572.130	95.902.000	365.474.129

6. Loại và cấp công trình điều chỉnh, bổ sung: Công trình giao thông đường bộ, cấp II.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3700/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 và Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19 (12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng